

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ CẨM TÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Cẩm Tú, ngày tháng 4 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024; Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật Nhà ở ngày 27/11/2023; Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023; Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu 2023; Luật Giá 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật kinh doanh bất động sản; Nghị định số 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-*

CP ngày 31/12/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 15/2024/TT-BKHĐT ngày 30/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án đầu tư kinh doanh; cung cấp, đăng tải thông tin về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 20/2024/TT BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến; Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp về ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc Quyết định Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 1672/STP-HCBTTP ngày 25/7/2025 của Sở Tư pháp về việc ban hành văn bản hướng dẫn thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, phường trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1545/UBND-KTTC ngày 23/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ; Công văn số 3252/UBND-KTTC ngày 23/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc mức tiền đặt trước trong trường hợp đấu giá để giao đất ở cho cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn khu Đồng Mòi, thôn Quý Sơn, xã Cẩm Quý huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa);

*Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Cẩm Tú về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng các lô đất ở tại điểm dân cư nông thôn khu Đồng Mồi, thôn Quý Sơn, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa;*

UBND xã Cẩm Tú thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá tài sản: Quyền sử dụng 40 lô đất ở tại điểm dân cư nông thôn khu Đồng Mồi, thôn Quý Sơn, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa với nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản:** UBND xã Cẩm Tú. Địa chỉ: Thôn Giang Trung, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hoá.

Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất: Phòng Kinh tế, UBND xã Cẩm Tú.

**2. Thông tin về tài sản đấu giá:**

- Tài sản bán đấu giá là: Quyền sử dụng 40 lô đất ở tại điểm dân cư nông thôn khu Đồng Mồi, thôn Quý Sơn, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa:

STT	Số Lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá đất theo quy định của nhà nước (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá trị QSD đất khởi điểm từng lô đất (đồng)	Ghi Chú
<b>Tỉnh lộ 523B</b>		<b>4,350.0</b>			<b>12,170,040,000</b>	
<b>1</b>	<b>Lô 18</b>	<b>150.0</b>	<b>2,741,000</b>	<b>3,289,200</b>	<b>493,380,000</b>	
2	Lô 19	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
3	Lô 20	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
4	Lô 21	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
5	Lô 22	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
6	Lô 23	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
7	Lô 24	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
8	Lô 25	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
9	Lô 26	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
10	Lô 27	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
11	Lô 28	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
12	Lô 29	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
13	Lô 30	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
14	Lô 31	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
15	Lô 32	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	

16	Lô 33	150.0	2,741,000	3,289,200	493,380,000	
17	Lô 34	150.0	2,741,000	3,289,200	493,380,000	
18	Lô 35	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
19	Lô 36	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
20	Lô 37	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
21	Lô 38	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
22	Lô 39	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
23	Lô 40	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
24	Lô 41	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
25	Lô 42	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
26	Lô 43	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
27	Lô 44	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
28	Lô 45	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
29	Lô 46	150.0	2,741,000	2,741,000	411,150,000	
<b>Đường quy hoạch</b>		<b>1,650.0</b>			<b>2,545,950,000</b>	
30	Lô 77	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
31	Lô 78	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
32	Lô 79	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
33	Lô 82	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
34	Lô 83	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
35	Lô 84	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
36	Lô 85	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
37	Lô 86	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
38	Lô 87	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
39	Lô 88	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	
40	Lô 89	150.0	1,543,000	1,543,000	231,450,000	

### 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2024 và Thông tư số

19/2024/TT- BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, gồm các tiêu chí sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>
1.	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	<b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b> <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	<b>2,0</b>
4.	<b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>	<b>1,0</b>
5.	<b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>	<b>1,0</b>
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>16,0</b>
1.	<b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>	<b>4,0</b>
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	<b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>	<b>4,0</b>
3.	<b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>	<b>4,0</b>
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối	2,0

	<i>với tài sản đấu giá</i>	
4.	<b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>	<b>4,0</b>
<b>IV</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>57,0</b>
1.	<b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>15,0</b>
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	<i>12,0</i>
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	<i>13,0</i>
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	<i>14,0</i>
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	<i>15,0</i>
2.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>7,0</b>
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	<i>4,0</i>
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	<i>5,0</i>
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	<i>6,0</i>
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	<i>7,0</i>
3.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>7,0</b>
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	<i>4,0</i>
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	<i>5,0</i>
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	<i>6,0</i>
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	<i>7,0</i>
4.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	<b>3,0</b>
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	<i>3,0</i>
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền</i>	

	<i>kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí</b>	5,0

	tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	
1	Trong năm 2025 đã tổ chức đấu giá thành công ít nhất 10 cuộc đấu giá tài sản là Quyền sử dụng đất (mặt bằng) trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (có hồ sơ, số liệu đính kèm cụ thể theo các hợp đồng dịch vụ đó để chứng minh).	3,0
2	Đơn vị đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá tại huyện Cẩm Thủy (trước đây) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó (tính từ năm trước liền kề đến năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn).	2,0
<b>Tổng số điểm</b>		<b>97,0</b>

Trường hợp có nhiều đơn vị được đánh giá có điểm cao nhất bằng nhau thì UBND xã Cẩm Tú xem xét lựa chọn một đơn vị trong các đơn vị đó.

#### **4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời gian: Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá trong giờ hành chính từ ngày **08/4/2026 đến ngày 10/4/2026**.

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về Phòng Kinh tế, UBND xã Cẩm Tú, Địa chỉ: Thôn Giang Trung, xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa.

#### **\* Lưu ý:**

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Căn cước công dân/căn cước và giấy ủy quyền (nếu có).

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- UBND xã không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

UBND xã Cẩm Tú thông báo đến các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết./.

#### **Nơi nhận:**

- Công TT đấu giá TS Bộ Tư pháp (đăng tin);
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng tin);
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Đông**